

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : AQUACER 583

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Wax Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK Netherlands BV

Địa chỉ : Danzigweg 23
7418 EN Deventer

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.

Biện pháp ứng phó:

P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Non-ionic emulsion based on a modified polyethylene wax

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α -tridecyl- ω -hydroxy-, branched	69011-36-5	≥ 7 - < 10
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes	8002-74-2	≥ 5 - < 7

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sĩ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ.
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
Giữ sạch đường hô hấp.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột
Carbon đioxit (CO₂)
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxit
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa). Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Để tránh tràn đổ trong quá trình thao tác, để chai ở trên một khay kim loại. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes	8002-74-2	TWA (Khói)	1 mg/m ³	VN OEL
		STEL (Khói)	6 mg/m ³	VN OEL
		TWA	300 mg/m ³	VN OEL
	Thông tin khác: Nhóm 2A: Có thể gây ung thư ở người			
		TWA (Khói)	2 mg/m ³	ACGIH

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay
Vật liệu : cao su butyl

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Ghi chú	:	Mang găng tay thích hợp.
Bảo vệ mắt	:	Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết Kính bảo hộ vừa khít Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.
Bảo vệ da và cơ thể	:	Quần áo không thấm. Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
Các biện pháp vệ sinh	:	Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	thể lỏng
Màu sắc	:	yellow - brown
Mùi đặc trưng	:	chưa có dữ liệu
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	9 (20 °C) Nồng độ: 100 %
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	2 °C (1.013 hPa)
Điểm sôi/khoảng sôi	:	100 °C (1.013 hPa)
Điểm cháy	:	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	0,99 g/cm ³ (20 °C, 1.013 hPa)
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	:	chưa có dữ liệu

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	< 100 mPa.s
Sức căng bề mặt	:	43,7 mN/m, 20 °C, ring dynamometer

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	:	chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Carbon ôxit

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:**Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α -tridecyl- ω -hydroxy-, branched:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 200 - 2.000 mg/kg
miệng

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

Thành phần:**Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α -tridecyl- ω -hydroxy-, branched:**

Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 000000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Thành phần:

Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α -tridecyl- ω -hydroxy-, branched:

Loài: Thỏ

Kết quả: Kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

- | | | |
|------------------|---|--|
| Chất thải từ cặn | : | Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép |
| Bao bì nhiễm độc | : | Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. |

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 00000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

UNRTDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECL - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

AQUACER 583

Mã sản phẩm: 000000000000126688

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/03/17

Ngày in 2026/03/18

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.